

Điện Biên, ngày 12 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ thực hiện 6 tháng cuối năm 2019, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân tiếp tục được thực hiện; Các cấp uỷ đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng, các đoàn thể quần chúng từ tỉnh, huyện đến cơ sở đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tuyên truyền, đến cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu, nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới. Bằng các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú như: Lồng ghép thông qua các hội nghị để tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới, các khẩu hiệu, pa nô, áp-phích; nêu gương người tốt việc tốt, các đơn vị, cơ sở có cách làm hay, sáng tạo trên phương tiện thông tin đại chúng...

Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tích cực chủ động tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới thông qua việc lồng ghép đã triển khai các phòng trào, cuộc vận động “toute dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đã nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo nên sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của người dân. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được mục đích, ý nghĩa của



việc xây dựng nông thôn mới, có những việc làm cụ thể, thiết thực như: hiến đất, đóng góp ngày công lao động để xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa thôn (bản), xây dựng nếp sống văn minh ở cộng đồng dân cư.

6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh khen thưởng kịp thời 05 tập thể, 01 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới, nhờ vậy đã tạo ra khí thế trong phong trào thi đua yêu nước, thi đua xây dựng nông thôn mới giữa các xã, các huyện trong tỉnh.

2. Kiện toàn hệ thống tổ chức chỉ đạo thực hiện Chương trình

UBND tỉnh bổ sung, kiện toàn BCD thực hiện các chương trình MTQG về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ; kiện toàn lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn tỉnh mới theo Quyết định 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Chỉ đạo các địa phương kiện toàn tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ban chỉ đạo cấp huyện, xã và Văn phòng Điều phối nông thôn mới; cấp xã đã bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình.

a) Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương

Trên cơ sở các văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Các Sở, ban, ngành trên cơ sở chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước, đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí của ngành phụ trách để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả đạt tiêu chí. Tuy nhiên có một số văn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung liên quan đến thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh của một số Sở, ban ngành còn chậm dẫn đến ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nội dung Chương trình.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

Ngày 18/2/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 135/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020; Quyết định số 136/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

Ngày 18/4/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 330/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí “xã nông thôn mới nâng cao” và Quy định “xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu” trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch số 34/KH-BCĐ ngày 19/4/2019 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản và hoạt động tuyên truyền năm 2019. Trong đó, giao cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện, thị xã, thành phố; Ban chỉ đạo xây dựng nông

thôn mới các xã mở 10 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản với 320 người tham gia.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Theo Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 4072/QĐ-BNN ngày 12/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phê duyệt Chương trình khung tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020.

Kết quả thực hiện: Hiện nay đang triển khai tập huấn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Tỉnh Điện Biên đã phê duyệt 116/116 đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới đạt 100% so với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cắm mốc quy hoạch vẫn chưa được thực hiện do thiếu kinh phí.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Giao thông: Đến nay, có 33/116 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông (đạt 28,44%), tăng 04 xã so với năm 2018.

- Thủy lợi: Toàn tỉnh có 103/116 xã đạt tiêu chí về thủy lợi (đạt 88,79%), tăng 05 xã so với năm 2018.

- Về điện: Hiện có 61/116 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, (đạt 52,58%) tăng 21 xã so với năm 2018.

- Trường học: Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học là 54/116 xã (đạt 46,55%), tăng 05 xã so với năm 2018.

- Cơ sở vật chất văn hóa: Đến nay, toàn tỉnh có 38/116 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa (đạt 32,75%), không tăng xã so với năm 2018.

- Cơ sở hạ tầng thương mại: Đến nay, có 90/116 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại (đạt 77,58%), tăng 39 xã so với năm 2018.

- Thông tin và truyền thông: Toàn tỉnh có 73/116 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, (đạt 62,93%) tăng 18 xã so với năm 2018.

- Về nhà ở dân cư: Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 76,97%. Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư là 30/116 xã, không tăng xã so với năm 2018.

b) Đánh giá chung về mức độ đạt tiêu chí quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí thấp và nguyên nhân:

Đối với các tiêu chí về giao thông, điện, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, thông tin và truyền thông rất khó đạt theo quy định của Bộ tiêu chí.

Nguyên nhân: Vì các tiêu chí này đòi hỏi nguồn lực lớn song nguồn ngân sách Nhà nước hạn chế, nguồn ngân sách địa phương chưa bố trí được. Huy động trong nhân dân chủ yếu là hiến đất, ngày công lao động.

3. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 18,5 triệu đồng/người/năm, tăng 2,5 triệu đồng/người/năm so với năm 2018; có 21/116 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, không tăng so năm 2018.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 60/116 xã, đạt 51,72%. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 116/116 xã đạt tiêu chí số 12 về tỷ lệ lao động có việc làm (đạt tỷ lệ 100%).

- Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh có 20 HTX thành lập mới (đạt 86,9 % so với mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2019); có 51/116 xã đạt Tiêu chí số 13, giảm 03 xã so năm 2018.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Toàn tỉnh, có 18/116 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo (đạt 15,5%), giảm 01 xã so với năm 2018.

5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

- Tiêu chí số 5 về trường học: có 54/116 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học (đạt 46,55%), tăng 05 xã so với năm 2018.

- Tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo: có 52/116 xã đạt (đạt 44,82%), tăng 11 xã so với năm 2018.

6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là trên 98,9%. Cơ sở vật chất, chất lượng chăm sóc y tế cho người dân nông thôn được nâng lên, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Đến nay, toàn tỉnh có 68/116 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế (đạt 58,62%), tăng 22 xã so với năm 2018.

7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Đến nay, toàn tỉnh có 46/116 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa (đạt 39,65%), tăng 03 xã so với năm 2018.

8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

Đến nay, trên toàn tỉnh có 34/116 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, tăng 06 xã so với năm 2018.

9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Đến nay, có 73/116 đơn vị Đảng bộ (chi bộ), chính quyền xã đạt “trong sạch vững mạnh” chiếm 62,93%; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên: có 87/116 đơn vị đạt danh hiệu tiên tiến trở lên, đạt 75%; Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định là 1.975/2.518/116 xã chiếm 78,44%.

Toàn tỉnh, có 38/116 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (đạt 32,75%), tăng 03 xã so với năm 2018.

10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

- Tình hình an ninh trật tự xã hội nông thôn trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố và giữ vững, các địa phương đã thực hiện tốt và có hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, chủ động giải quyết dứt điểm các vụ việc xảy ra trên địa bàn, làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm, chú ý giải quyết đơn khiếu nại tại địa phương, cơ sở không để vượt cấp.

- Số xã đạt chuẩn về tiêu chí số 19 quốc phòng và an ninh là 96/116 xã, (đạt 82,75%), tăng 10 xã so với năm 2018.

11. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình

Để nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; Ban Chỉ đạo các cấp đã thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, nâng cao năng lực xây dựng NTM và công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình do các Bộ, ngành, Trung ương và Tỉnh tổ chức.

Công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng nông thôn mới được thực hiện thường xuyên, các thành viên Ban Chỉ đạo theo chức năng và nhiệm vụ được giao thường xuyên bám sát cơ sở, đôn đốc chỉ đạo và có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng xây dựng nông thôn mới.

12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Tổng nguồn lực huy động năm 2019: 1.543.986 triệu đồng; Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 315.950 triệu đồng

+ Vốn đầu tư phát triển: 239.650 triệu đồng

+ Vốn sự nghiệp: 76.300 triệu đồng

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: 1.198.547 triệu đồng

- Cộng đồng dân cư đóng góp: 29.489 triệu đồng

(Phụ biểu số 01 chi tiết kèm theo)

b) Kết quả sử dụng, giải ngân nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp Chương trình (Đến hết tháng 6/2019):

- Vốn Đầu tư phát triển: Thực hiện là 77.256 triệu đồng, đạt 32,24% Kế hoạch giao.

(Phụ biểu số 02 chi tiết kèm theo)

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện là 2.864 triệu đồng, đạt 3,75% Kế hoạch giao.

(Phụ biểu số 03 chi tiết kèm theo)

c) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản: 6 tháng đầu năm 2019, trên địa bàn tỉnh Điện Biên không còn nợ đọng kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

d) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực

- Tỉnh Điện Biên thực hiện phân bổ chi tiết các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị đảm bảo theo định mức, tiêu chí và hướng dẫn của Bộ, ngành, đồng thời UBND tỉnh cũng đã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở, đơn vị triển khai thực hiện quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, trọng tâm; bên cạnh đó tỉnh cũng đã làm tốt công tác chủ động huy động

vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, huy động đóng góp từ cộng đồng dân cư theo điều kiện thực tế.

- Tuy nhiên các nguồn lực huy động cho đầu tư xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng được khối lượng, nhiệm vụ yêu cầu của Chương trình; nguồn vốn chủ yếu từ ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình và nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ các Chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn khu vực nông thôn tỉnh; tỉnh Điện Biên có 101 xã đặc biệt khó khăn; 7/10 đơn vị cấp huyện là huyện nghèo nên việc huy động nguồn lực từ doanh nghiệp; cộng đồng dân cư rất hạn chế; người dân chủ yếu đóng góp xây dựng nông thôn mới thông qua hiến đất, tham gia lao động trực tiếp vào các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn mới.

- Việc giải ngân nguồn vốn trực tiếp của Chương trình còn thấp (vốn đầu tư phát triển đạt 32,24% và sự nghiệp 3,75% kế hoạch vốn giao). Nguyên nhân:

Vốn sự nghiệp: Hiện nay các Sở, ngành và UBND các xã đang triển khai thực hiện.

Vốn đầu tư: Thực hiện Văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016-2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Do vậy, tỉnh Điện Biên phải điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 và phương án sử dụng vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định của Trung ương.

13. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

- Đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có huyện nào đạt huyện nông thôn mới (Tỉnh đang chỉ đạo UBND thị xã Mường Lay và TP Điện Biên Phủ hoàn thiện hồ sơ thủ tục xét công nhận đơn vị hoàn thành xây dựng nông thôn mới trong năm 2019).

- Theo lũy kế, đến hết 6 tháng đầu năm 2019, toàn tỉnh đã có Quyết định công nhận 18 xã đạt chuẩn NTM¹ (chiếm 15,51% trên tổng số xã trên địa bàn tỉnh); Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 08/116 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí có 15/116 xã; Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí có 75/116 xã; Số xã dưới 05 tiêu chí: Không còn; Số tiêu chí bình quân đến 6 tháng đầu năm 2019 là 9,8 tiêu chí/xã, tăng 1,2 tiêu chí/xã so với năm 2018.

(Phụ biểu số 04, 05 chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cả hệ thống chính trị - xã hội đã vào cuộc quyết liệt, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

¹ Năm 2018, có thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 19/19 tiêu chí gồm các xã: Mường Phăng, Nà Nhạn, Ngú Ngam, Noong Luồng - huyện Điện Biên; Chà Nưa - huyện Nậm Pồ.

tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo được phong trào thi đua sôi nổi trong xây dựng nông thôn mới.

- Đời sống của vật chất và tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Nhận thức, trách nhiệm của nhân dân được nâng lên, nhân dân đã xác định được mình là chủ thể chính trong xây dựng NTM nên đã chủ động tự giác đóng góp nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ tài sản chung, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Đã vận dụng tốt các cơ chế chính sách của Trung ương, tỉnh để bố trí lồng ghép các nguồn vốn, tập trung huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền ở cấp huyện, xã còn hạn chế, thiếu sâu sát, quyết liệt trong tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao, người dân và cán bộ cấp xã, cấp huyện một số địa phương vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước; chưa phát huy được vai trò của các tổ chức, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; chưa thực sự sát sao, thường xuyên trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Tiến độ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới còn chậm, thiếu trọng tâm, chưa có nhiều giải pháp tích cực, sáng tạo quyết liệt trong tổ chức thực hiện.

- Việc huy động đóng góp của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do nhân dân vùng nông thôn có thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của một bộ phận nhân dân còn nhiều hạn chế nên việc ứng dụng KHKT vào sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác bảo vệ môi trường, xử lý, thu gom rác thải ở một số xã trên địa bàn các huyện chưa được đảm bảo, nhất là đối với những xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;

- Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM có xu hướng chững lại, nhất là về tiêu chí môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém

- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên; phương pháp tuyên truyền đơn điệu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở còn hạn chế, trách nhiệm của một số cán bộ các cấp chưa cao. Một số bộ phận cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, còn tư tưởng thụ động, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Sự phối hợp giữa các cấp, ngành chưa chặt chẽ, kịp thời. Trình độ, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt là cấp xã còn nhiều hạn chế. Công tác quản lý đầu tư, thẩm định, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở cấp xã còn lúng túng.

Phần thứ 2

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển nông nghiệp theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, tạo liên kết chuỗi gắn với phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ; phát triển văn hóa giàu bản sắc dân tộc; môi trường sinh thái được đảm bảo; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Duy trì giữ vững, nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Phân đấu đến hết năm 2019, có thêm 08 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới², nâng tổng số xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn toàn tỉnh đến hết năm 2019 lên 30 xã; Số tiêu chí đạt bình quân là 11,2 tiêu chí/xã, có trên 11 sản phẩm đạt tiêu chí sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm của tỉnh (Chương trình OCOP).

Chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn được nâng lên, nâng cao thu nhập người dân; duy trì và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tiếp tục nâng cấp trạm y tế hiện có, xây mới các trạm y tế tại các xã theo kế hoạch; nâng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; tăng tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; đầu tư các công trình thoát nước thải; tăng tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung về xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo Kế hoạch số 3055/KH-UBND ngày 22/10/2018 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 2982/KH-UBND ngày 16/10/2018 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 730/KH-UBND ngày 22/3/2019 về Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Điện Biên năm 2019; Kế hoạch số 1053/KH-UBND ngày 18/4/2019 về Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Tập trung chỉ đạo duy trì các xã đã đạt 19 tiêu chí NTM, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2019 (có thêm 08 xã đạt chuẩn NTM và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới).

²Xã Sam Mùn, Nà Táu, Mường Nhà - huyện Điện Biên; Sa Lông - huyện Mường Chà; Mường Báng - huyện Tủa Chùa; Búng Lao - huyện Mường Áng; Mường Nhé - huyện Mường Nhé; Quài Tờ - huyện Tuần Giáo.

3. Mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ trên địa bàn, chú trọng công nghiệp chế biến nông sản; phổ biến và nhân rộng phong trào “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút sản phẩm và thu hút đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

4. Tăng cường lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các chương trình, dự án; quản lý, tổ chức thực hiện tốt nguồn vốn của Chương trình NTM để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu ở nông thôn, nhất là hạ tầng ở thôn, bản; quan tâm xây dựng hạ tầng đối với các tiêu chí có mức độ đạt chuẩn còn thấp như: Giao thông, nước sinh hoạt, môi trường, trường học...thực hiện có hiệu quả cơ chế trao quyền cho người dân và cộng đồng trong xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo cơ chế đặc thù tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các huyện, thị xã, thành phố cần cân đối chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn lực khác trên địa bàn để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư phát triển các công trình hạ tầng cơ bản cấp xã, thôn, bản trực tiếp gắn với phát triển sản xuất, đời sống hàng ngày của người dân, như: *Giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi...* Trong đó, tập trung ưu tiên triển khai, đầu tư các công trình dang dở, chưa hoàn thành tại các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2019.

6. Chú trọng công tác vệ sinh môi trường nông thôn, bằng các hoạt động cụ thể như: Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hướng dẫn người dân chủ động phân loại, xử lý rác tại hộ gia đình; tập trung xử lý vấn đề rác thải, nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi phù hợp với điều kiện từng địa phương như hạn chế chăn nuôi gia súc nhỏ lẻ (dưới gầm nhà sàn) theo quy mô hộ gia đình, khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô trang trại, gia trại để kiểm soát việc xử lý môi trường, hạn chế ô nhiễm; phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng thôn (bản) nông thôn mới và thôn, bản NTM kiểu mẫu.

7. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” khen thưởng kịp thời và xứng đáng cho các tập thể làm tốt, các cá nhân, tổ chức có đóng góp tích cực, hiệu quả cho Chương trình.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

- Tổ chức phát động, tuyên truyền, phổ biến, vận động cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân cùng tham gia, nâng cao ý thức, vai trò trách nhiệm của người dân; đổi mới phương pháp tuyên truyền, linh hoạt và phù hợp theo đặc điểm của từng huyện, xã, các đối tượng tiếp nhận nhằm phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương, nhân dân, cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, nhất là vai trò người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Về lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp, định kỳ tổ chức giao ban để tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các xã hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các tổ chức, các cơ quan được phân công giúp các xã đặc biệt khó khăn tăng cường lực lượng giúp các xã triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng nông thôn mới.

3. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách

- Tiếp tục rà soát cơ chế chính sách hiện hành liên quan đến nông nghiệp, nông thôn, nông dân của tỉnh; nghiên cứu đề xuất kịp thời sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với tình hình thực tế để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và cộng đồng thực sự làm chủ trong xây dựng nông thôn mới theo cơ chế đầu tư giao cho người dân và cộng đồng tự làm trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc các cấp

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách, theo dõi Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp để thực hiện tốt công tác xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức các đợt tham quan học tập kinh nghiệm đối với các địa phương có cách làm hay, sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới, trong và ngoài tỉnh.

5. Huy động nguồn lực thực hiện Chương trình

- Tiếp tục thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình, Dự án, Đề án, vốn tín dụng của Trung ương, địa phương theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới và huy động các nguồn vốn xã hội hóa.

- Huy động tối đa sự tham gia đóng góp của người dân trong xây dựng nông thôn mới, với các hình thức phù hợp như hiến đất, đóng góp ngày công, khai thác vật liệu, giải phóng mặt bằng... Đối với những công trình, hạng mục công trình người dân làm được, kiên quyết phải tổ chức, hướng dẫn cho dân làm để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư của Chương trình.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

- Sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020. Tại Điều 7 (Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng) đề nghị xem xét bổ sung: *Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu để thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện vì một số xã không có cán bộ chuyên môn đáp ứng về chuyên ngành, không đủ năng lực lập hồ sơ xây dựng công trình và chuyên môn để quản lý, tổ chức thực hiện dự án.*

- Đề nghị Chính phủ xem xét có chính sách hỗ trợ đặc thù về đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất đối với các xã khó khăn dưới 10 tiêu chí.

2. Đối với các Bộ ngành Trung ương

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ưu tiên cho phép tỉnh Điện Biên ứng trước kế hoạch vốn năm 2020 để có đủ nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các mục tiêu của Chương trình theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đến năm 2020, cũng như tập trung nguồn lực thực hiện các nội dung cấp thiết trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị các Bộ: Xây dựng, Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Kế hoạch đầu tư, Tài chính cản cứ nhiệm vụ được giao tại mục IV Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020 để sớm ban hành văn bản hướng dẫn để các địa phương làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2019 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2019 của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên./*đ*

Noi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- BCĐ các CT MTQG TW;
- Các Bộ: XD, NN&PTNT, KH&ĐT, TC, CT;
- TT Tỉnh ủy; ✓
- TT HĐND tỉnh; ✓
- CT, PCT UBND tỉnh(^(đ/c Tiên); ✓
- VPDPNTM TW; ✓
- Thành viên BCĐCCTMTQ tỉnh;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPDPNTM tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
Bùi Minh Hải**

Phụ biếu số 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 6/BC-BCĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 của BCĐ thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch huy động 6 tháng đầu năm 2019
	TỔNG SỐ	1.543.986	1.543.986		315.950
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	315.950	315.950		315.950
1	Trái phiếu Chính phủ	-	-		0
2	Đầu tư phát triển	239.650	239.650		239.650
3	Sự nghiệp	76.300	76.300		76.300
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	-	-		
	Tỉnh		-		
	Huyện		-		
	Xã		-		
III	VỐN LÒNG GHÉP	1.198.547	1.198.547		
IV	VỐN TÍN DỤNG	-	-		
V	VỐN DOANH NGHIỆP	-	-		
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	29.489	29.489		
-	Quy đổi từ đất, hiện vật	12.684	12.684		
-	Quy đổi từ ngày công lao động	16.805	16.805		

BÁO CÁO

Phụ biểu số 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH XDNTM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-BCĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên)

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2019	Vốn trực tiếp Chương trình NTM		Vốn đề án 29 xã biên giới		Giải ngân	Tỷ lệ	Ghi chú
			Vốn giao	Giải ngân	Vốn giao	Giải ngân			
	Tổng số	239.650.000.000	188.200.000.000		51.450.000.000		77.255.468.099	32,2	
1	Thành phố Điện Biên Phủ	1.020.000.000	1.020.000.000				-	0,0	
2	Thị xã Mường Lay	661.000.000	661.000.000	610.000.000			610.000.000	92,3	
3	Tủa Chùa	23.447.000.000	23.447.000.000	11.389.136.000			11.389.136.000	48,6	
4	Tuần Giáo	41.283.000.000	41.283.000.000	5.120.114.000			5.120.114.000	12,4	
5	Mường Áng	20.896.000.000	20.896.000.000	8.677.717.000			8.677.717.000	41,5	
6	Điện Biên Đông	27.525.000.000	27.525.000.000	12.151.464.000			12.151.464.000	44,1	
7	Điện Biên	39.704.000.000	21.808.000.000	9.752.141.289	17.896.000.000		9.752.141.289	24,6	
8	Mường Chà	22.938.000.000	16.227.000.000	13.000.503.500	6.711.000.000		13.000.503.500	56,7	
9	Nậm Pồ	36.184.000.000	20.526.000.000	16.554.392.310	15.658.000.000		16.554.392.310	45,8	
10	Mường Nhé	25.992.000.000	14.807.000.000	-	11.185.000.000		-	0,0	

Phụ biếu 03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-BCĐ, ngày 17/7/2019 của Ban chỉ đạo thực hiện các CTMTQG tỉnh Điện Biên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	76.300	2.864	76.300	đạt 3,75%
I	Các đơn vị khối tỉnh	8.460	388	8.460	đạt 4,5%
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.200	15	2.200	
-	Hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020	200		200	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	1.500		1.500	
-	Phát triển ngành nghề nông thôn	500		500	
2	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	1.300	155,357	1.300	
-	Tập huấn tuyên truyền, truyền thông về xây dựng nông thôn mới	300		300	
-	Chi phí quản lý	1.000		1.000	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.000	164,096	3.000	
-	Phát triển giáo dục ở nông thôn	3.000		3.000	
4	Sở Nội Vụ	900		900	
-	Nâng cao chất lượng phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	900		900	
5	Sở Thông tin và Truyền thông	300		300	
-	Tập huấn tuyên truyền, truyền thông về xây dựng nông thôn mới	300		300	
6	Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch	100		100	
-	Tập huấn tuyên truyền, truyền thông về xây dựng nông thôn mới	100		100	
7	Sở Tư pháp	80		80	
-	Nâng cao chất lượng phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	80		80	
8	Ủy ban Mật trận tổ quốc tỉnh	80		80	
-	Nâng cao chất lượng phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	80		80	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
9	Hội Nông dân tỉnh	200	42,7	200	
-	Tập huấn tuyên truyền, truyền thông về xây dựng nông thôn mới	200		200	
10	Tỉnh đoàn	50	1,71	50	
-	Nâng cao chất lượng phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	50		50	
11	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	200	9,6	200	
	Tập huấn tuyên truyền, truyền thông về xây dựng nông thôn mới	200		200	
12	Hội Cựu chiến binh tỉnh	50		50	
-	Nâng cao chất lượng phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới	50		50	
II	Các huyện, thị xã, thành phố	57.840	2.476	57.840	đạt 4,28%
1	Huyện Điện Biên	9.728	708,83	9.728	
-	HT trực tiếp cho các xã	6.097		6.097	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	1.772		1.772	
-	Chi QL	359		359	
-	Ưu tiên phân bổ cho xã trong năm 2019 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (Nà Táu, Sam Mùn, Mường Nhà)	1.500		1.500	
2	Huyện Mường Chà	5.995		5.995	
-	Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	4.485		4.485	
-	Ưu tiên phân bổ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2019 (Xã Sa Lông)	500		500	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	800		800	
-	Chi phí quản lý	210		210	
3	Huyện Tủa Chùa	5.881	280,82	5.881	
-	HT trực tiếp cho các xã	4.068		4.068	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	1.100		1.100	
-	Chi QL	213		213	
-	Ưu tiên phân bổ cho xã trong năm 2019 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (Xã Mường Báng)	500		500	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
4	Huyện Mường Âng	4.916		4.916	
-	HT trực tiếp cho các xã	4.228		4.228	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT				
-	Chi QL	188		188	
-	Ưu tiên phân bổ cho xã trong năm 2019 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (Xã Búng Lao)	500		500	
5	Huyện Nậm Pồ	8.311	212	8.311	
-	HT trực tiếp cho các xã	6.706		6.706	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	1.281		1.281	
-	Chi QL	324		324	
6	Huyện Mường Nhé	5.545	738,236	5.545	
-	HT trực tiếp cho các xã	4.816		4.816	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	0		0	
-	Chi QL	229		229	
-	Ưu tiên phân bổ cho xã trong năm 2018 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (Xã Mường Nhé)	500		500	
7	Huyện Tuần Giáo	9.562	145,936	9.562	
-	HT trực tiếp cho các xã	8.692		8.692	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	0		0	
-	Chi QL	370		370	
-	Ưu tiên phân bổ cho xã trong năm 2019 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới (Xã Quài Tở)	500		500	
8	Thị xã Mường Lay	124		124	
-	HT đào tạo nghề cho LĐNT	118		118	

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2019	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
-	Chi phí quản lý	6		6	
9	Thành phố Điện Biên Phủ	244		244	
-	Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	235		235	
-	Chi phí quản lý	9		9	
10	Huyện Điện Biên Đông	7.534	390,325	7.534	
-	Hỗ trợ trực tiếp cho các xã	7.282		7.282	
-	Chi phí quản lý	252		252	
11	Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	10.000		10.000	

Phụ biếu số 04

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số: BC-BCD ngày 1-tháng 7 năm 2019 của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên)

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 31/12/2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2019	Ghi chú
1	Mức đạt tiêu chí bình quân/xã	8,6	9,8	11,2	
2	Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã	116	116	116	
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	18	18	22	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	2	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	1	1	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	1	3	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	3	5	2	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	1	1	2	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	0	1	5	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	1	5	6	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	1	4	8	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	4	4	10	
	Số xã đạt 9 tiêu chí	4	12	12	
	Số xã đạt 8 tiêu chí	7	11	13	
	Số xã đạt 7 tiêu chí	13	18	18	
	Số xã đạt 6 tiêu chí	17	20	9	
	Số xã đạt 5 tiêu chí	44	15	3	
	Số xã đạt 4 tiêu chí	3	0	0	
	Số xã đạt 3 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 2 tiêu chí	0	0	0	
	Số xã đạt 1 tiêu chí	0	0	0	
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí	992	1138	1294	
1	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	116	116	116	
2	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	29	33	43	
3	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	98	103	110	
4	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	40	61	78	
5	Số xã đạt tiêu chí số 5 trường học	49	54	66	
6	Số xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa	38	38	51	
7	Số xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	51	90	88	
8	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông	55	73	79	
9	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	31	30	35	
10	Số xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập	21	21	24	
11	Số xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo	19	18	20	
12	Số xã đạt tiêu chí số 12 về lao động có việc làm	116	116	116	
13	Số xã đạt tiêu chí số 13 tổ chức sản xuất	54	51	68	
14	Số xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo	41	52	62	
15	Số xã đạt tiêu chí số 15 về y tế	45	68	81	
16	Số xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa	42	46	64	
17	Số xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm	28	34	46	
18	Số xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	33	38	44	
19	Số xã đạt tiêu chí 19 về quốc phòng và an ninh	86	96	103	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 CỦA TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-BCĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên)

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả bình quân/xã
1	Huyện Điện Biên	25	14	22	19	19	13	23	20	13	13	13	25	17	22	18	16	14	14	24	344	13,76
1	Hua Thanh	1					1						1								1	5
2	Thanh Nưa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
3	Thanh Luông	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
4	Thanh Hưng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
5	Thanh Chân	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
6	Thanh Yên	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
7	N.Luông	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
8	Sam Mùn	1	1	1	1	1		1	1					1	1	1	1	1	1	0	1	14
9	Pom Lót	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
10	N.Hết	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
11	Thanh An	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
12	Thanh Xương	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
13	Mường Phảng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
14	Pá Khoang	1				1	1		1					1	1	1		1			1	9
15	Ná Táu	1		1	1	1		1	1					1	1	1	1			1	1	12
16	Ná Nhạn	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
17	Mường Pòn	1				1	1		1					1			1				1	8
18	Pa Thom	1		1				1	1					1			1				1	7
19	Na U'	1		1	1			1	1					1		1						7
20	Núa Ngam	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
21	Hẹ Muông	1		1										1		1					1	5
22	Mường Nhà	1		1	1	1		1	1					1	1	1		1			1	11
23	Na Tông	1		1				1						1		1					1	6
24	Mường Lói	1		1				1						1							1	5
25	Phu Luông	1		1				1	1					1		1					1	8

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả bình quân/xã
II	Huyện Mường Chà	11	1	7	5	6	1	2	10	2	0	0	11	5	3	5	2	1	10	11	93	8,45
1	Xã Mường Mươn	1		1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	15
2	Xã Na Sang	1	1	1					1	1	1			1	1				1	1	1	11
3	Xã Sa Lồng	1		1	1	1			1					1	1		1	1	1	1	1	11
4	Xã Huổi Lèng	1					1			1				1					1	1	1	6
5	Xã Mường Tùng	1		1					1				1						1	1	1	6
6	Xã Hừa Ngài	1			1	1			1				1						1	1	1	7
7	Xã Sá Tồng	1		1					1				1						1	1	1	6
8	Xã Pa Ham	1			1	1			1				1	1	1				1	1	1	9
9	Xã Nậm Nèn	1				1	1		1				1	1	1	1				1	1	9
10	Xã Huổi Mí	1		1									1						1	1	1	5
11	Xã Ma Thị Hò	1		1	1				1				1				1		1	1	1	8
III	Huyện Tủa Chùa	11	2	7	4	1	2	9	11	1	0	0	11	2	3	7	10	0	1	11	93	8,45
1	Mường Báng	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1	1	1	1	16
2	Xã Nhè	1		1				1	1				1		1					1	1	7
3	Mường Đun	1		1	1				1	1			1		1	1	1			1	1	10
4	Tủa Thàng	1	1	1	1				1	1			1			1	1			1	1	10
5	Sinh Phinh	1		1	1				1	1			1	1			1			1	1	9
6	Trung Thu	1		1					1	1			1			1	1			1	1	8
7	Tả Phìn	1		1					1	1			1				1			1	1	7
8	Tả Sin Thàng	1							1	1			1				1			1	1	6
9	Sin Chải	1							1	1			1			1	1			1	1	7
10	Lao Xá Phinh	1							1	1			1			1	1			1	1	7
11	Huổi Sô	1							1				1			1	1			1	1	6

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả bình quân/xã	
IV	Huyện Mường Âng	9	3	9	5	6	1	2	4	1	1	1	9	8	3	8	1	1	1	4	77	8,6	
1	Âng Cang	1		1	1	1			1				1	1	1						9		
2	Âng Nưa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19		
3	Âng Tở	1		1		1							1	1		1				1	7		
4	Năm Lịch	1		1									1	1		1					5		
5	Mường Lạn	1		1	1				1				1	1		1				1	8		
6	Xuân Lao	1		1	1								1			1					5		
7	Búng Lao	1	1	1	1	1		1	1				1	1	1	1				1	12		
8	Mường Đăng	1		1		1							1	1		1					6		
9	Ngòi Cây	1	1	1		1							1	1								6	
V	Huyện Nậm Pồ	15	2	13	5	5	10	9	10	2	1	1	15	3	3	5	1	12	2	15	129	8,6	
1	Xã Si Pa Phìn	1		1	1	1	1		1				1			1				1	9		
2	Xã Phìn Hồ	1		1				1		1			1			1		1	1		1	8	
3	Xã Chà Nưa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19		
4	Xã Chà Cang	1	1	1	1			1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	15		
5	Xã Chà Tở	1		1		1	1	1	1				1						1	1	9		
6	Xã Nậm Khăn	1		1		1	1						1			1	1			1	8		
7	Xã Pa Tân	1		1				1	1				1		1		1		1		1	8	
8	Xã Na Cô Sa	1			1				1				1	1				1		1	7		
9	Xã Nậm Nhứt	1		1					1	1			1					1		1	7		
10	Xã Nà Khoa	1		1						1			1					1		1	6		
11	Xã Nậm Tin	1							1				1					1		1	5		
12	Xã Nậm Chua	1		1				1	1				1					1		1	7		
13	Xã Nà Hỷ	1		1	1	1	1	1	1				1						1		9		
14	Xã Vàng Đán	1		1				1	1				1					1		1	7		
15	Xã Nà Bùng	1		1					1				1						1		5		

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả bình quân/xã	
VI	Huyện Mường Nhé	11	1	11	5	2	0	11	3	1	3	0	11	3	6	3	1	1	5	11	89	8,1	
1	Xã Sin Thầu	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	17		
2	Xã Sen Thượng	1		1				1			1		1		1			1	1	1	9		
3	Xã Leng Su Sin	1		1	1			1					1		1				1	1	7		
4	Xã Chung Chái	1		1				1					1		1				1	1	6		
5	Xã Mường Nhé	1		1	1	1		1	1		1		1	1	1	1		1	1	1	13		
6	Xã Nậm Vi	1		1				1					1						1	1	5		
7	Xã Mường Toong	1		1				1					1	1				1	1	1	7		
8	Xã Huổi Léch	1		1	1			1					1						1	1	6		
9	Xã Nậm Kè	1		1	1			1					1						1	1	6		
10	Xã Pá Mỳ	1		1				1	1				1							1	1	6	
11	Xã Quảng Lâm	1		1				1					1		1			1	1	1	1	7	
VII	Huyện Điện Biên Đông	13	1	13	4	3	1	13	6	0	0	0	13	2	4	9	9	1	1	1	94	7,2	
1	Xã Na Son	1		1		1		1					1		1	1	1				8		
2	Xã Keo Lôm	1		1				1	1				1	1							6		
3	Xã Nong U	1		1	1	1		1	1				1		1	1	1				10		
4	Xã Pu Nhi	1		1				1	1				1		1	1					7		
5	Xã Phinh Giang	1		1				1	1				1			1	1				7		
6	Xã Pú Hồng	1		1				1					1			1					5		
7	Xã Háng Lia	1		1				1					1			1	1				6		
8	Xã Tia Dinh	1		1				1					1				1				5		
9	Xã Chiềng Sơ	1		1				1					1				1				5		
10	Xã Mường Luân	1	1	1	1		1	1	1				1	1	1	1	1	1	1	1	15		
11	Xã Luân Giới	1		1	1	1		1					1			1	1				8		
12	Xã Phi Nhữ	1		1	1			1					1								5		
13	Xã Xa Dung	1		1				1	1				1			1	1				7		

STT	Tên đơn vị	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả bình quân/xã
VIII	Huyện Tuần Giáo	18	6	18	11	9	7	18	6	7	0	0	18	8	5	10	3	1	1	16	162	9,0
1	Xã Chiềng Đông	1		1		1		1					1								1	6
2	Xã Chiềng Sinh	1	1	1	1	1		1					1	1	1	1					1	11
3	Xã Nà Sây	1		1	1	1	1	1					1			1					1	9
4	Xã Mường Khong	1		1				1					1	1							1	6
5	Xã Mường Thin	1	1	1	1	1	1	1	1				1	1		1				1	12	
6	Xã Quài Tở	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1				15
7	Xã Tòa Tinh	1		1	1	1		1		1			1	1	1					1	10	
8	Xã Tênh Phòng	1		1					1				1			1					1	6
9	Xã Quài Cang	1	1	1	1	1		1	1	1			1		1					1	12	
10	Xã Quài Nưa	1	1	1	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1				15
11	Xã Pù Nhung	1	1	1					1	1	1		1			1					1	9
12	Xã Rang Đông	1		1	1	1		1					1	1							1	8
13	Xã Phinh Sảng	1		1					1				1								1	5
14	Xã Ta Ma	1		1				1	1				1								1	6
15	Xã Mùn Chung	1		1	1			1	1		1		1			1					1	9
16	Xã Nà Tông	1		1	1				1				1								1	6
17	Xã Mường Mùn	1		1	1			1	1	1	1		1	1		1	1				1	12
18	Xã Pù Xi	1		1					1				1			1					1	5
IX	Tp. Điện Biên Phủ	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	38	19
1	Xã Thanh Minh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
2	Xã Tả Lèng	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
X	Thị xã Mường Lay	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19	19
1	Xã Lay Nưa	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
	Tổng số xã/tiêu chí	116	33	103	61	54	38	90	73	30	21	18	116	51	52	68	46	34	38	96	1.138	9,8